

Bản án số: 68/2026/DS-ST
Ngày: 26/6/2026
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Khuru Liên Dung

Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 214/2026/TLST-DS, ngày 02/12/2021/4/20265 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2026/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Các nguyên đơn:*

1. **Công ty cổ phần J**

Trụ sở: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, Thành phố Hà Nội.

2. **Ngân hàng Thương mại cổ phần V**

Trụ sở: Toà nhà VPBank Tower, số H L, phường Đ, Hà Nội

Người đại diện theo uỷ quyền của các nguyên đơn: Anh **Trần Văn T** – Chuyên viên xử lý nợ.

- *Bị đơn:* Anh **Đặng Bảo T1**, sinh năm 1986

Địa chỉ: **Số C, khóm B, phường B, tỉnh Cà Mau**

(anh **T**, anh **T1** có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/12/2026 của các nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần N** (sau đây gọi tắt là **Ngân hàng**) và **Công ty cổ phần J** (sau đây gọi tắt là **Công ty**) – Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn anh **Trần Văn T** trình bày: Ngày 18/4/2022 Ngân hàng cùng anh **Đặng Bảo T1** có ký Hợp đồng cho vay số: LN2203215414656, vay số tiền 425.000.000 đồng, mục đích thanh toán tiền mua xe ô tô hiệu HYUNDAI, Accent, 1.4L, AT sản xuất mới 100%, thời hạn vay 96 tháng. Để đảm bảo cho khoản vay anh **T1** có ký Hợp đồng thế chấp số: LN2203215414656, ngày 18/4/2022 theo hợp đồng thì tài sản thế chấp là: Loại xe ô tô; hiệu HYUNDAI; biển số đăng ký 94A-072.63; số khung: RLUAC41BBNN075798; số máy G4LCMU625928; Tên chủ xe: **Đặng Bảo T1**. Đến ngày 28/3/2025 thì giữa Ngân hàng và Công ty có ký kết hợp đồng mua bán nợ số: 09/2025/VPB-JUPITER. Theo hợp đồng bán nợ nêu trên thì Ngân hàng đã bán một phần nợ 95% của anh **Đặng Bảo T1** cho Công ty.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và anh **T1** thì anh **T1** thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng, nên người vay đã vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Do đó, Ngân hàng và Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh **Đặng Bảo T1** phải thanh toán cho Ngân hàng (5% số nợ) tổng số tiền 17.612.822 đồng (Trong đó: Nợ vay gốc là: 12.023.357 đồng; lãi trong hạn là 1.187.554 đồng; lãi quá hạn là 4.401.910 đồng, thời gian tính lãi đến ngày 26/6/2026) buộc anh **Đặng Bảo T1** phải thanh toán nợ cho Công ty (95% số nợ) tổng số tiền 334.643.621 đồng (Trong đó: Nợ vay gốc là: 228.443.790 đồng; lãi trong hạn là 22.563.527 đồng; lãi quá hạn là 83.636.304 đồng, thời gian tính lãi đến ngày 26/6/2026) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và Công ty sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà anh **T1** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng và Công ty có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn anh **Đặng Bảo T1** trình bày: Anh **T1** thừa nhận vào ngày 18/4/2022 Ngân hàng cùng anh **Đặng Bảo T1** có ký Hợp đồng cho vay số: LN2203215414656, vay số tiền 425.000.000 đồng, mục đích thanh toán tiền mua xe ô tô hiệu HYUNDAI, Accent, 1.4L, AT sản xuất mới 100%, thời hạn vay 96 tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay anh **T1** có ký Hợp đồng thế chấp số: LN2203215414656, ngày 18/4/2022 theo hợp đồng thì tài sản thế chấp là: Loại xe ô tô; hiệu HYUNDAI; biển số đăng ký 94A-072.63; số khung: RLUAC41BBNN075798; số máy G4LCMU625928; Tên chủ xe: **Đặng Bảo T1**.

Hợp đồng mua bán nợ số: 09/2025/VPB-JUPITER, ngày 28/3/2025 giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M. Theo hợp đồng bán nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP V đã bán một phần nợ 95% của anh Đặng Bảo T1 cho Công ty Cổ phần M anh T1 cũng biết và đồng ý với việc bán nợ này.

Tuy nhiên, trong thời gian vay thì do điều kiện kinh tế khó khăn, bản thân anh T1 cũng đang chấp hành án tại Trại Giam C – Bộ C1 nên anh T1 không thanh toán nợ đúng hạn. Do đó, nay Ngân hàng và Công ty khởi kiện yêu cầu trả nợ thì anh T1 cũng đồng ý, trường hợp không thanh toán được thì đồng ý giao tài sản thế chấp để Ngân hàng và Công ty P để thu hồi nợ, anh T1 cũng xác định tài sản thế chấp hiện tại do anh đang trực tiếp quản lý sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các văn bản cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng thời hạn. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần J; buộc anh Đặng Bảo T1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng (5% số nợ) tổng số tiền 17.612.822 đồng (Trong đó: Nợ vay gốc là: 12.023.357 đồng; lãi trong hạn là 1.187.554 đồng; lãi quá hạn là 4.401.910 đồng, thời gian tính lãi đến ngày 26/6/2026) buộc anh Đặng Bảo T1 phải thanh toán nợ cho Công ty (95% số nợ) tổng số tiền 334.643.621 đồng (Trong đó: Nợ vay gốc là: 228.443.790 đồng; lãi trong hạn là 22.563.527 đồng; lãi quá hạn là 83.636.304 đồng, thời gian tính lãi đến ngày 26/6/2026) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ. Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật mà anh T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng và Công ty có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Ngân hàng Thương mại cổ phần N và Công ty cổ phần J khởi kiện yêu cầu anh Đặng Bảo T1 có trách nhiệm trả nợ vay như đã ký kết hợp đồng vay. Anh Đặng Bảo T1 có địa chỉ thường trú tại phường B, tỉnh Cà Mau, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Căn cứ Hợp đồng cho vay số: LN2203215414656, ngày 18/4/2022 và bản thân anh T1 cũng thừa nhận có vay của Ngân hàng TMCP V số tiền 425.000.000 đồng, mục đích thanh toán tiền mua xe ô tô hiệu HYUNDAI, Accent, 1.4L, AT sản xuất mới 100%, thời hạn vay 96 tháng.

Căn cứ hợp đồng mua bán nợ số: 09/2025/VPB-JUPITER, ngày 28/3/2025 giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M. Theo hợp đồng bán nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP V đã bán một phần nợ 95% của anh Đặng Bảo T1 cho Công ty Cổ phần M bản thân anh T1 cũng biết và đồng ý với việc Ngân hàng bán nợ của anh cho Công ty. Nên có căn cứ xác định Đặng Bảo T1 có vay tiền của Ngân hàng TMCP V và cũng đồng ý với việc Ngân hàng TMCP V đã bán 95% khoản nợ của anh cho Công ty Cổ phần M.

Căn cứ bản sao kê theo dõi của Ngân hàng, trong thời gian thực hiện hợp đồng anh T1 đã không thanh toán vốn gốc và lãi đầy đủ nên anh T1 đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và Công ty về việc buộc anh Đặng Bảo T1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng (5% số nợ) tổng số tiền 17.612.822 đồng (Trong đó: Nợ vay gốc là: 12.023.357 đồng; lãi trong hạn là 1.187.554 đồng; lãi quá hạn là 4.401.910 đồng, thời gian tính lãi đến ngày 26/6/2026) buộc anh Đặng Bảo T1 phải thanh toán nợ cho Công ty (95% số nợ) tổng số tiền 334.643.621 đồng (Trong đó: Nợ vay gốc là: 228.443.790 đồng; lãi trong hạn là 22.563.527 đồng; lãi quá hạn là 83.636.304

đồng, thời gian tính lãi đến ngày 26/6/2026) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ.

[3.2] Để đảm bảo cho khoản vay anh **T1** có ký Hợp đồng thế chấp số: LN2203215414656, ngày 18/4/2022 theo hợp đồng thì tài sản thế chấp là: Loại xe ô tô; hiệu HYUNDAI; biển số đăng ký 94A-072.63; số khung: RLUAC41BBNN075798; số máy G4LCMU625928; Tên chủ xe: **Đặng Bảo T1**. Hội đồng xét xử xem xét hợp đồng thế chấp nhận thấy: Hợp đồng thế chấp các bên đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về công chứng, chứng thực, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm việc đăng ký giao dịch bảo đảm giữa Ngân hàng và anh **T1** thực hiện theo đúng các quy định. Căn cứ Công văn số: 361, ngày 12/5/2026 của **Phòng C2 Công an tỉnh C** xác định: Xe ô tô biển số 94A-072.63 hiện tại do anh **Đặng Bảo T1** đứng tên chủ xe, anh **T1** cũng xác định hiện tại anh đang trực tiếp quản lý sử dụng tài sản thế chấp. Do đó, trong trường hợp xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng và Công ty có quyền yêu cầu xử lý đối với tài sản thế chấp.

[4] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu trả nợ vay và được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp khi anh **T1** không thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng và Công ty.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu của các nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là **Đặng Bảo T1** phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng và Công ty không phải chịu án phí.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã chi hết 800.000 đồng: **Công ty cổ phần J** đã dự nộp 800.000 đồng. Căn cứ Điều 157 và Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 anh **Đặng Bảo T1** phải có trách nhiệm hoàn lại số tiền trên cho **Công ty cổ phần J**.

[8]. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh **Đặng Bảo T1** phải chịu là (352.256.443 đồng x 5% = 17.612.822 đồng).

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng Thương mại cổ phần N** và **Công ty cổ phần J** đối với anh **Đặng Bảo T1** về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc anh **Đặng Bảo T1** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần N** (5% số nợ) tổng số tiền 17.612.822 đồng (Trong đó: Nợ vay gốc là: 12.023.357 đồng; lãi trong hạn là 1.187.554 đồng; lãi quá hạn là 4.401.910 đồng, thời gian tính lãi đến ngày 26/6/2026) buộc anh **Đặng Bảo T1** phải thanh toán nợ cho **Công ty cổ phần J** (95% số nợ) tổng số tiền 334.643.621 đồng (Trong đó: Nợ vay gốc là: 228.443.790 đồng; lãi trong hạn là 22.563.527 đồng; lãi quá hạn là 83.636.304 đồng, thời gian tính lãi đến ngày 26/6/2026).

Kể từ ngày 27/6/2026 anh **Đặng Bảo T1** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng và Công ty thì lãi suất mà anh **Đặng Bảo T1** phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, anh **Đặng Bảo T1** không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần N** và **Công ty cổ phần J** thì **Ngân hàng Thương mại cổ phần N** và **Công ty cổ phần J** có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp cụ thể như sau: Loại xe ô tô; hiệu HYUNDAI; biển số đăng ký 94A-072.63; số khung: RLUAC41BBNN075798; số máy G4LCMU625928; Tên chủ xe: **Đặng Bảo T1**.

4. Buộc anh **Đặng Bảo T1** có trách nhiệm giao tài sản thế chấp đã nêu ở **mục 3** tại phần Quyết định của bản án để thực hiện nghĩa vụ phát mãi tài sản khi có đơn yêu cầu.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 800.000 đồng: Buộc anh **Đặng Bảo T1** có trách nhiệm hoàn trả lại cho **Công ty cổ phần J** số tiền 800.000 đồng.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh **Đặng Bảo T1** phải nộp 17.612.822 đồng .

6.2. Án dân sự sơ thẩm có giá ngạch **Ngân hàng Thương mại cổ phần N và Công ty cổ phần J không phải chịu**, **Công ty cổ phần J** đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 400.000 đồng tại biên lai thu số: 0004588 và số tiền 7.000.000 đồng tại biên lai thu số: 0004590, cùng ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Thi hành **án dân sự tỉnh C** được hoàn lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND cùng cấp;
- Phòng THADS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy